# CHUYÊN ĐỀ 11

**SO SÁNH - COMPARISON**

1. **LÍ THUYẾT**
2. **So sánh ngang bằng (Equality)**

So sánh ngang bằng dùng để miêu tả hai đối tượng giống nhau hoặc bằng nhau về một hoặc nhiều thuộc

tính nào đó.

# Với tính từ và trạng từ

## *Thể khẳng định*

Công thức: **S + V + as + adj/adv + as +…**

Ví dụ:

+ She is as tall as Huong. (Cô ấy cao bằng Hương.)

+ She learns as well as her sister does. (Cô ấy học tốt như chị gái mình.)

## *Thể phủ định*

Công thức: **S + V + not + as/so + adj/adv + as +....**

Ví dụ:

+ This exercise is not as/so difficult as I think (it is). (Bài tập này không khó như tôi nghĩ.)

+ He doesn't study as/so hard as I do/me. (Anh ấy không học hành chăm chỉ bằng tôi.)

# Với danh từ

## *Với danh từ số nhiều*

Công thức: **S + V + as many/ few + N (số nhiều) + as +**… Ví dụ:

+ I have as many exercises as my brother does (Tôi có nhiều bài tập như anh trai tôi.)

+ We have as few problems to solve as yesterday.

(Hôm nay chúng tôi có vài vấn đề phải xử lí như ngày hôm qua.)

## *Với danh từ không đếm được*

Công thức: **S + V + as much/little + N (không đếm được) + as +....**

Ví dụ:

+ I don't have as much money as you do. (Tôi không có nhiều tiền như bạn.)

+ My brother has as little time to play football as I do. (Anh trai tôi có ít thời gian chơi bóng đá như tôi.)

# So sánh hơn (Comparative)

So sánh hơn là so sánh đối tượng này hơn đối tượng kia về một hoặc nhiều thuộc tính nào đó.

# Tính từ/trạng từ ngắn và tính từ/trạng từ dài

## *Tính từ/trạng từ ngắn là những tính từ/trạng từ:*

***+ có một âm tiết***

Ví dụ:

Big (to), small (nhỏ), hot (nóng), cold (lạnh), thin (gầy), fat (béo), ...

## *+ có hai âm tiết tận cùng là một trong năm đuôi sau:*

* y: happy (hạnh phúc), easy (dễ dàng), early (sớm), heavy (nặng), lazy (lười biếng)...
* er: clever (thông minh, lanh lợi)
* le: single (độc thân), simple (đơn giản)
* ow: narrow (hẹp)
* et: quiet (yên tĩnh)

**Lưu ý:** Những tính từ/ trạng từ hai âm tiết tận cùng là đuôi -y chỉ được coi là tính từ/ trạng từ ngắn khi

bản thân nó có đuôi -y. Ví dụ:

lovely (đáng yêu) là tính từ dài vì nó đưực cấu tạo bởi love + ly lovely. quickly (nhanh) là trạng từ dài vì nó được cấu tạo bởi quick -I- ly  quickly.

## *Tính từ/ trạng từ dài là những tính từ/ trạng từ có từ hai âm tiết trở lên nhưng không phải một*

***trong năm đuôi kể trên.***

Ví dụ:

Beautiful (xinh đẹp), handsome (đẹp trai), intelligent (thông minh), hard-working (chăm chỉ)

# So sánh hơn với tính từ/ trạng từ ngắn và dài

1. ***So sánh hơn với tính từ và trạng từ ngắn*** Công thức: S + V + adj/ adv + er + than + ... Ví dụ:

+ She looks happier than (she did] yesterday. (Hôm nay cô ấy trông tươi tỉnh hơn hôm qua.)

+ He learns harder than his elder brother does.

(Anh ấy học hành chăm chỉ hơn anh trai của anh ấy.) Lưu ý:

+ Những tính từ hai âm tiết, kết thúc bằng chữ "y" thì bỏ “y” thêm "ier" trong so sánh hơn và "iest" trong so sánh hơn nhất.

Ví dụ:

Easy easier  easiest

+ Những tính từ ngắn kết thúc bằng một phụ âm mà trước nó là một nguyên âm thì ta gấp đôi phụ âm rồi

thêm "-er" trong so sánh hơn và "est" trong so sánh hơn nhất.

Ví dụ:

Big bigger biggest.

1. ***So sánh hơn với tính từ và trạng từ dài*** Công thức: S + V + more + adj/ adv + than + ... Ví dụ:

+ She is more beautiful than her sister. (Cô ấyxinh hơn chị gái cô ấy.)

+ Huong dances more beautifully than other competitors.

(Hương nhảy đẹp hơn những người dự thi khác.)

# So sánh hơn với danh từ

Công thức: S + V + more + N + than + ... Ví dụ:

+ She has more money than me. (Cô ấy có nhiều tiền hơn tôi.)

# So sánh nhất (Superlative)

So sánh nhất là khi chúng ta so sánh một cái gì đó là hơn tất cả những cái khác (ít nhất từ ba đối tượng so sánh trở lên), như là tốt nhất, đẹp nhất....

# Với tính từ và trạng từ ngắn

Công thức: **S + V + the + adj/ adv + est + (N)+ ...**

Ví dụ:

+ He is the tallest (student) in my class. (Anh ấy là người cao nhất trong lớp tôi.)

+ My mother gets up the earliest in my family.

(Mẹ tôi dạy sớm nhất nhà.

# Với tính từ và trạng từ dài

Công thức**: S + V + the + most + adj/adv + (N) + ...**

Ví dụ:

+ My mother is the most beautiful (woman) in the world.

(Mẹ tôi là người đẹp nhất thế gian này.)

+ Mary sings the most beautifully in the group. (Mary hát hay nhất nhóm.)

# Với danh từ

Công thức: **S + V + the + most + N + ...**

Ví dụ:

+ He is a billionaire. He has the most money. (Anh ấy là tỉ phú. Anh ấy có nhiều tiền nhất.)

# Lưu ý: Có một số tính từ và trạng từ không theo quy tắc trên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tính từ/ trạng từ** | **Nghĩa** | **Dạng so sánh hơn** | **Dạng so sánh nhất** |
| good/ well | tốt, giỏi | better | the best |
| bad | tệ, tồi, dốt | worse | the worst |
| much/ many | nhiều | more | the most |
| little | ít | less | least |
| far | xa | farther/ further | the farthest/ furthest |
| old | già, cũ | older/ elder | the oldest/ eldest |

1. **So sánh kép (Double comparative)**
2. **So sánh luỹ tiến (càng ngày càng)**

## *Với tính từ ngắn*

Công thức: Adj + er + and + adj + er

Ví dụ:

+ The summer is coming. It gets hotter and hotter. (Mùa hè đang đến. Trời càng ngày càng nóng.)

## *Với tính từ dài*

Công thức: **more/less and more/less + adj**

Ví dụ:

+ She is more and more attractive. (Cô ấy càng ngày càng hấp dẫn.)

+ The environment is less and less pure. (Môi trường ngày càng ít trong lành.)

## *Với danh từ*

Công thức**: more and more + N**

Ví dụ:

+ There are more and more people moving to big cities to look for jobs. (Ngày càng có nhiều người đến những thành phố lớn để kiếm việc làm.)

# So sánh đồng tiến (càng... càng)

Công thức:

# the + (so sánh hơn) comparative adj / adv+ S +V, the (so sánh hơn) comparative adj / adv + S + V

Ví dụ:

+ The older he gets, the weaker he is. (ông ấy càng già càng yếu.)

+ The more difficult the exercise is, the more interesting it is. (Bài tập càng khó thì càng thú vị)

+ The more I know him, the less I like him.

(Tôi càng biết nhiều về anh ấy thì tôi càng ít thích anh ấy.)

# Lưu ý:

Trong câu so sánh kép, nếu túc từ là một danh từ thì ta đặt danh từ ấy ngay sau tính từ so sánh. Ví dụ:

+ The more English vocabulary we know, the better we speak. Càng biết nhiều từ vựng tiếng Anh, ta càng nói tốt hơn.

# Lưu ý: Một số tính từ/ trạng từ không dùng ở dạng so sánh vì bản thân chúng đã mang tính tuyệt đối:

Complete (hoàn toàn), favorite (yêu thích), ideal (lí tưởng), unique (duy nhất), excellent (xuất sắc), full (đầy), empty (rỗng), perfect (hoàn hảo), right (đúng), really (thật sự), extreme (cực độ, tột bậc), supreme (thượng hạng), absolute (tuyệt đối),...

# Một số công thức khác

* 1. **So sánh gấp nhiều lần (multiple numbers comparison)**

Công thức:

S + V + multiple numbers \* +as + much/ many/ adj/ adv + (N) +as + N/pronoun

\* Là những số như half/ twice/ 3, 4, 5… time; Phân số; Phần trăm.

Ví dụ:

+ She types twice as fast as I do.

(Cô ấy đánh máy nhanh gấp hai lần tôi đánh máy.)

+ In many contries in the world with the same job, women only get 40 – 50% as much as salary as men. (Ở nhiều quốc gia, phụ nữ chỉ nhận được lương bằng với 40-50% lương của người đàn ông khi họ có cùng một công việc.)

+ This encyclopedia costs twice as much as the other one.

(Bộ sách bách khoa toàn thư này mắc gấp đôi bộ còn lại.)

+ At the clambake last week, Fred ate three times as many oysters as Barney. (Trong buổi tiệc tuần trước, Fred ăn hàu nhiêu gấp 3 lần Barney.)

# Lưu ý:

Khi dùng so sánh loại này phải xác định rõ danh từ đó là đếm được hay không đếm được vì đằng trước

chúng có much và many.

# Từ chỉ số lượng dùng trước tính từ so sánh hơn để nhấn mạnh

Công thức: S + V + much/ a lot/ far/ a little/ a bit... + so sánh hơn + than + ... Ví dụ:

+ She is much more hard-working than me. (Cô ấy chăm hơn tôi nhiều.)

# Cấu trúc bắt đầu bằng "Of the two"

Công thức: Of the two + N (số nhiều), S + V + the + so sánh hơn

Ví dụ:

+ Of the two sisters, Mary is the prettier. (Trong số hai chị em gái, Mary xinh hơn.)

# Để tránh lặp lại danh từ trong so sánh hơn, kém, ngang bằng, người ta dùng "that" thay cho danh từ số ít và "those” thay cho danh từ số nhiều.

Ví dụ:

+ The population of China is much larger than that of any countries in the world.

(Dân số của Trung Quốc lớn hơn nhiều so với dân số của bất cứ quốc gia nào trên thế giới.)

+ The prices of Japanese cars are higher than those of Chinese ones. (Giá ô tô Nhật cao hơn giá ô tô Trung Quốc.)

# BÀI TẬP ÁP DỤNG

Exercise 1: Cho dạng đúng của tính từ trong ngoặc

* 1. This chair is than that one. (comfortable)
  2. Your flat is
  3. The weather today is

than mine, (large)

than it was yesterday, (hot)

* 1. The Nile is the river in the world, (long)
  2. Chinese bicycles are than Japanese ones, (bad)
  3. Mathematics is than English, (difficult)
  4. Ho Chi Minh is the city in Vietnam, (big)
  5. He drives than his friend, (careful)
  6. She sings in this school, (beautiful)
  7. I read than my sister, (slow)
  8. Grace is girl in our class, (old)
  9. This exercise is than that one. (easy)
  10. He is twice as you. (fat)
  11. Nam is student of all. (noisy)
  12. My cold is today than it was yesterday, (good)
  13. This exercise is (easy) of all.
  14. This flower is (beautiful) than that one.
  15. He has twice as (many) books as his sister.
  16. Which is the (dangerous) animal in the world?
  17. English is not so (difficult) as Chinese.

# Exercise 2: Hoàn thành các câu sử dụng cấu trúc: "COMPARATIVE + AND + COMPARATIVE":

1. This subject gets (hard) all the time.
2. I'm just getting (confused).
3. It's becoming (difficult) for me to keep up.
4. The textbook just gets (complicated).
5. I spend (much) time on my work.
6. My list of things to do gets (long).
7. My problem are just getting (bad).
8. I feel happy as my happy is coming (close).
9. Eating and traveling in this city is getting (expensive).
10. Your English is OK now, your pronunciation has got (good).

# Exercise 3: Chọn câu trả lời đúng

1. In Vietnam, it is normally in the South than in the North.

A. hot B. hotter C. hottest D. hoter

1. The food is than the last time I ate it.

A. badder B. bad C. worse D. worst

1. Ho Chi Minh city is than Hanoi.

A. big B. bigger C. biggest D. biger

1. Her voice is than her sister’s.

A. beautiful B. more beautiful c. beautifully D. more beautifully

1. Her literature result is much than it was last year.

A. good B. well C. more well D. better

1. Cinderella danced than any other girls at the ball.

A. more graceful B. gracefuler C. gracefully D. more gracefully

1. This book is the of all.

A. bored B. boring C. more boring D. most boring

1. Mary speaks English very

A. fluent B. fluently C. more fluently D. most fluently

1. Tom runs faster than John and David runs the in the group.

A. fast B. most fast C. fastest D. most fastly

1. There is nothing than going swimming in hot weather.

A. gooder B. good C. better D. best

1. Mary is responsible as Peter.

A. more B. the most C. much D. as

1. She is student in my class.

A. most hard-working B. more hard-working

C. the most hard-working D. as hard-working

1. He drives his brother.

A. more careful than B. more carefully

C. more carefully than D. as careful as

1. Tuan writes more with fewer mistakes than the previous term.

A. careless B. careful C. carefully D. carelessly

1. My father is happy because I get results at school.

A. bad good C. intelligent D. well

1. Peter does better at school because he works

A. harder B. more carelessly C. more lazily D. worse

1. He can do sums more and read faster.

A. badly B. quickly C. difficultly D. fastly

1. Jane is not her brother.

A. more intelligent as B. intelligent as C. so intelligent as D. so intelligent that.

1. She is a very pupil. She spends most of her time studying.

A. hard- working B. difficult C. hard D. easy

1. My English this term is than that of last year.

A. good B. gooder C. better D. best

1. you study for these exams, you will do.

A. The harder / the better B. The more / the much

C. The hardest / the best D. The more hard / the more good,

1. My neighbor is driving me mad! It seems that it is at night, plays his music!

A. the less / the more loud B. the less / less

C. the more late / the more loudlier D. the later / the louder

1. Thanks to the progress of science and technology, our lives have become

A. more and more good B. better and better

C. the more and more good D. gooder and gooder

1. The Sears Tower is building in Chicago.

A. taller B. the more tall C. the tallest D. taller and taller

1. Peter is John.

A. younger and more intelligent than B. more young and intelligent than

C. more intelligent and younger than D. the more intelligent and younger than

1. San Diego is town in Southern California.

A. more nice and nice B. the nicer C. the nicest D. nicer and nicer

1. It gets when the winter is coming.

A. cold and cold B. the coldest and coldest

C. colder and colder D. more and more cold

1. The faster we finish,

A. the sooner we can leave B. we can leave sooner and sooner

C. the sooner can we leave D. we can leave the sooner

1. Of all athletes, Alex is

A. the less qualified B. the less and less qualified

C. the more and more qualified D. the least qualified

1. The faster Thanh walks,

A. more tired B. the more tired he gets

C. he gets tired D. he gets more tired

# Exercise 4: Viết lại các câu sau sao cho nghĩa không thay đổi

1. No one in my class is taller than Peter.

 Peter...........................................................................................................................................................

1. According to me, English is easier than Maths.

 According to me, Maths ............................................................................................................................

1. No one in my group is more intelligent than Mary.

 Mary ..........................................................................................................................................................

1. No river in the world is longer than the Nile.

 The Nile .....................................................................................................................................................

1. Mount Everest is the highest mountain in the world.

 No mountain ..............................................................................................................................................

1. This is the first time I have ever met such a pretty girl.

 She is ........................................................................................................................................................

1. He works much. He feels tired.

 The more....................................................................................................................................................

1. This computer works better than that one.

 That computer............................................................................................................................................

1. The apartment is big. The rent is high.

 The bigger..................................................................................................................................................

1. We set off soon. We will arrive soon.

 The sooner .................................................................................................................................................

1. The joke is good. The laughter is loud.

 The better....................................................................................................................................................

1. She gets fat. She feels tired.

 The fatter ...................................................................................................................................................

1. As he gets older, he wants to travel less.

 The older....................................................................................................................................................

1. The children are excited with the difficult games.

 The more....................................................................................................................................................

1. I meet him much. I hate him much

 The more....................................................................................................................................................

1. My boss works better when he is pressed for time.

 The less......................................................................................................................................................

1. If you read many books, you will have much knowledge.

 The more....................................................................................................................................................

1. He speaks too much and people feel bored.

 The more....................................................................................................................................................

1. The growth in the economy makes people's living condition better.

 The more.....................................................................................................................................................

1. People learn a lot of things as they travel far.

 The farther .................................................................................................................................................

1. Her old house is bigger than her new one.

 Her new house ...........................................................................................................................................

1. I can't cook as well as my mother.

 My mother can cook..................................................................................................................................

1. The black dress is more expensive than the white one.

 The white dress...........................................................................................................................................

1. There isn't anybody as kind-hearted as your mother.

 Your mother is...........................................................................................................................................

1. The black car is cheaper than the red car.

 The red car..................................................................................................................................................

1. This film is more interesting than that one.

 That film is ................................................................................................................................................

1. This is the most interesting film of all.

 No other films are......................................................................................................................................

1. No cars in the world are more expensive than Japanese ones.

 Japanese cars .............................................................................................................................................

1. Other oceans in the world aren’t as large as the Pacific one.

 The Pacific Ocean is..................................................................................................................................

1. No hotel in the city is as comfortable as this.

 This hotel is the .........................................................................................................................................

# Exercise 5: Khoanh vào chữ cái chỉ lỗi trong các câu sau

1. This girl is the most beautiful of the two daughters that he has. A B C D
2. Frank plays tennis worse of all the players. A B C D
3. The most he tries, the more he succeeds. A B C D
4. She can pronounce English words more correct than she could last term. A B C D
5. In this class, the students are talking more loudlier than the teacher. A B C D
6. This summer is hotter and winder than last summer. A B C D
7. You should practise English oftener to be a better speaker of English. A B C D
8. Ha Anh can now speak English more well than the last time I met him. A B C D
9. She is much more intelligent than Nam does. A B C D
10. The more rich he is, the more miserable he gets. A B C D

# Đáp án Exercise 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đáp án** | **Giải thích chi tiết đáp án** |
| 1 | more  comfortable | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Comfortable" là tính từ dài. |
| 2 | larger | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Large" là tính từ ngắn. |
| 3 | hotter | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Hot" là tính từ ngắn kết  thúc bằng 1 nguyên âm + 1 phụ âm nên ta gấp đôi phụ âm trước khi thêm -er. |
| 4 | longest | Trong câu có "the" nên ta sử dụng so sánh nhất. "Long" là tính từ ngắn. |
| 5 | worse | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Bad" là tính từ đặc biệt. |
| 6 | more difficult | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Difficult" là tính từ dài. |
| 7 | biggest | Trong câu có "the" nên ta sử dụng so sánh nhất. "Big" tính từ ngắn, kết thúc  bằng 1 nguyên âm + 1 phụ âm nên ta gấp đôi phụ âm trước khi thêm -est. |
| 8 | more  carefully | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Careful" là tính từ dài. Để  sử dụng với động từ "drive" ta dùng trạng từ "carefully". |
| 9 | the most beautifully | Trong câu so sánh "she" với tất cả các cô gái còn lại trong trường nên ta dùng so sánh nhất. "Beautiful" là tính từ dài. Để sử dụng với động từ "sing" ta  dùng trạng từ “beautifully". |
| 10 | more slowly | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Slow" là tính từ ngắn. Tuy  nhiên, theo quy tắc động từ phải đi với trạng từ nên slow => slowly |
| 11 | the oldest | Trong câu so sánh "Grace” với tất cả các cô gái còn lại trong lớp nên ta dùng  so sánh nhất. "Old" là tính từ ngắn. |
| 12 | easier | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Easy" là tính từ có hai âm  tiết kết thúc bằng “y” nên ta sử dụng như tính từ ngắn. |
| 13 | as fat | Trong câu có "twice" nên ta dùng so sánh gấp nhiều lần. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 14 | the noisiest | Trong câu so sánh Nam với tất cả các học sinh còn lại nên ta dùng so sánh  nhất. "Noisy" là tính từ hai âm tiết kết thúc bằng "y" nên sử dụng như tính từ ngắn. |
| 15 | better | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Good" là tính từ bất quy  tắc. |
| 16 | the easiest | Trong câu so sánh bài tập này với tất cả các bài tập còn lại nên ta dùng so sánh nhất. "Easy" là tính từ có hai âm tiết kết thúc bằng, my” nên ta sử dụng  như tính từ ngắn. |
| 17 | more  beautiful | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Beautiful" là tính từ dài. |
| 18 | many | Căn cứ vào "as" và "books". |
| 19 | most  dangerous | Trong câu có "the" nên ta sử dụng so sánh nhất. “Dangerous" là tính từ dài. |
| 20 | difficult | Trong câu có “not so as" nên ta sử dụng so sánh bằng. |

**Exercise 2**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đáp án** | **Giải thích chi tiết đáp án** |
| 1 | harder and harder | "Hard" là tính từ ngắn. |
| 2 | more and more  confused | "Confused" là tính từ dài. |
| 3 | more and more  difficult | "Difficult" là tính từ dài. |
| 4 | more and more  complicated | “Complicated" là tính từ dài. |
| 5 | more and more | "Much" là tính từ đặc biệt. Khi sử dụng so sánh hơn ta dùng "more". |
| 6 | longer and longer | "Long" là tính từ ngắn. |
| 7 | worse and worse | "Bad" là tính từ đặc biệt. |
| 8 | closer and closer | "Close" là tính từ ngắn. |
| 9 | more and more  expensive | "Expensive" là tính từ dài. |
| 10 | better and better | “Good" là tính từ đặc biệt. |

**Exercise 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đáp án** | **Giải thích chi tiết đáp án** |
| 1 | B | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Hot" là tính từ ngắn kết thúc  bằng 1 nguyên âm + 1 phụ âm nên ta gấp đôi phụ âm trước khi thêm -er. |
| 2 | C | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. “Bad" là tính từ đặc biệt. |
| 3 | B | Trong câu có “than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Big" là tính từ ngắn kết thúc  bằng 1 nguyên âm + 1 phụ âm nên ta gấp đôi phụ âm trước khi thêm -er. |
| 4 | B | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. Động từ "to be" đi kèm với  tính từ. |
| 5 | D | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Good" là tính từ đặc biệt. |
| 6 | D | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. Động từ "danced" đi kèm với trạng từ. |
| 7 | D | Trong câu có "the" nên ta sử dụng so sánh nhất. "Boring" là tính từ dài. |
| 8 | B | Trong câu thiếu một trạng từ bổ nghĩa cho động từ “speak". |
| 9 | C | Trong ý sau có "the" nên ta sử dụng so sánh nhất. "Fast" là trạng từ ngắn. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 10 | C | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Good" là tính từ đặc biệt. |
| 11 | D | Trong câu có "as" nên ta sử dụng so sánh bằng. |
| 12 | C | Trong câu so sánh "she" với tất cả học sinh còn lại trong lớp nên ta dùng so  sánh nhất. |
| 13 | C | Trong câu so sánh "he" và "his" brother nên ta dùng so sánh hơn. Động từ  "drives" đi với trạng từ. |
| 14 | C | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. Động từ "writes" đi với trạng  từ. Nghĩa của câu là ít lỗi hơn nên trạng từ phải là cẩn thận hơn. |
| 15 | B | Trong câu cần một tính từ bổ nghĩa cho danh từ "results". Nghĩa của câu trước  là bố tôi cảm thấy vui nên tính từ phải là “good". |
| 16 | A | Vì câu trước là "Peter" học tốt hơn ở trường nên trạng từ mô tả cho câu sau  phải mang nghĩa tích cực (học hành chăm chỉ hơn). |
| 17 | B | Dựa vào ý sau là đọc nhanh hơn nên ý trước phải là làm tính cộng nhanh hơn. |
| 18 | C | Trong câu so sánh "Jane" và “her brother" và có "not". Xét các phương án thì  chỉ có C (so sánh bằng) là phù hợp về cấu trúc. |
| 19 | A | Trong câu cần một tính từ bổ nghĩa cho danh từ "pupil". Vì cô ấy dành hầu hết  thời gian cho việc học nên cô ấy là một học sinh chăm chỉ. |
| 20 | C | Trong câu có "than" nên ta sử dụng so sánh hơn. "Good" là tính từ đặc biệt.   Đáp án: C |
| 21 | A | Trong câu sử dụng so sánh kép. "Hard" là tính từ ngắn và "good" là tính từ đặc biệt. (Bạn càng học tập cho các kì thi này chăm chỉ, thì bạn càng làm tốt  chúng). |
| 22 | D | Trong câu sử dụng so sánh kép. "Late" và "loud" là trạng từ ngắn. Dựa theo  nghĩa, người hàng xóm này đang làm tôi phát điên. Dường như là đêm càng  muộn thì anh ta chơi nhạc càng to. |
| 23 | B | Trong câu sử dụng so sánh kép. "Good" là tính từ đặc biệt. |
| 24 | C | Trong câu so sánh "the Sears Tower" với các toà nhà còn lại ở "Chicago" nên  ta dùng so sánh nhất. |
| 25 | A | Trong câu so sánh "Peter" và "John" nên ta dùng so sánh hơn. "Young" là tính  từ ngắn và "intelligent" là tính từ dài. |
| 26 | C | Trong câu so sánh "the San Diego" với thị trấn còn lại ở "Southern California"  nên ta dùng so sánh nhất. |
| 27 | C | Trong câu sử dụng so sánh kép. "Cold” là tính từ ngắn. |
| 28 | A | Trong câu sử dụng so sánh kép. Chúng ta áp dụng công thức: The + comparative + S + V, the + comparative + S + V. (Chúng ta hoàn thành càng  nhanh, chúng ta càng có thể về sớm). |
| 29 | D | Trong câu so sánh "Alex" với các cầu thủ còn lại nên ta dùng so sánh nhất. |
| 30 | B | Trong câu sử dụng so sánh kép. Chúng ta áp dụng công thức: The + comparative + S + V, the + comparative + S + V. (Thanh đi bộ càng nhanh,  anh ấy càng mệt). |

**Exercise 4**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đáp án** | **Giải thích chi tiết đáp án** |
| 1 | Peter is the tallest in my class. | Chuyển câu: No + so sánh hơn  so sánh nhất. |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | "Tall" là tính từ ngắn. |
| 2 | According to me, Maths is not so/as  easy as English. | Chuyển câu: so sánh hơn  not + so sánh bằng |
| 3 | Mary is the most intelligent in my group. | Chuyển câu: No + so sánh hơn  so sánh nhất.  “Intelligent" là tính từ dài. |
| 4 | The Nile is the longest river in the world. | Chuyển câu: No + so sánh hơn  so sánh nhất.  Long là tính từ ngắn. |
| 5 | No mountain in the world is higher than Mount Everest. | Chuyển câu: So sánh nhất  no + so sánh hơn.  "High" là tính từ ngắn. |
| 6 | She is the prettiest girl I have ever met. | Chuyển câu: This is the first time + S + present perfect  So sánh nhất + S + present perfect "Pretty" là tính từ có hai âm tiết kết thúc bằng “ỵ” nên được sử dụng như tính từ ngắn. |
| 7 | The more he works, the more tired he feels. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. "Much" là tính từ đặc biệt, "tired" là tính từ dài. |
| 8 | That computer doesn't work as well as this one. | Chuyển câu: so sánh hơn  not + so sánh bằng.  “Better" là so sánh hơn của trạng từ "well". |
| 9 | The bigger the apartment is, the higher the rent is. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. "Big" và "high" là tính từ ngắn. |
| 10 | The sooner we set off, the sooner we will arrive. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. “Soon" là trạng từ ngắn. |
| 11 | The better the joke is, the louder the laughter is. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. "Good" là tính từ đặc biệt, "loud" là tính từ ngắn. |
| 12 | The fatter she gets, the more tired she feels. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S +V, the + comparative + S + V. “Fat” là tính từ ngắng, “tired” là tính từ dài |
| 13 | The older he gets, the less he wants to travel. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. "Old" là tính từ ngắn, "less" là trạng từ đặc biệt. |
| 14 | The more difficult the games are, the more excited the children are. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. "Excited" và "difficult" là tính từ dài. |
| 15 | The more I meet him, the more I hate him. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. "Much" là trạng từ đặc biệt. |
| 16 | The less time my boss has, the better he works. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. Trong câu này |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | mang nghĩa là khi càng bị áp lực về thời gian thì ông  chủ của tôi làm việc càng hiệu quả. |
| 17 | The more books you read, the more knowledge you will have. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. "Much" và "many" là tính từ đặc biệt. |
| 18 | The more he speaks, the more bored people feel. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. "Much" là tính từ đặc biệt, "bored" là tính từ dài. |
| 19 | The more the economy grows, the better people's living condition is. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. Câu này mang nghĩa là: Kinh tế càng phát triển thì điều kiện sống của mọi người càng tốt hơn. |
| 20 | The farther people travel, the more the learn. | Chúng ta sử dụng so sánh kép: the + comparative + S + V, the + comparative + S + V. Câu này mang nghĩa là: Họ học được nhiều điều hay khi họ đi du lịch xa. “Far" là trạng từ đặc biệt, "a lot of" khi sử dụng so sánh hơn ta dùng more. |
| 21 | Her new house isn't so/as big as her old one. | Chuyển câu: so sánh hơn  not + so sánh bằng. |
| 22 | My mother can cook better than me. | Chuyển câu: so sánh không bằng  so sánh hơn. "Well" là trạng từ đặc biệt khi sang so sánh hơn đổi thành "better". |
| 23 | The white dress isn't so/ as expensive as the black one. | Chuyển câu: so sánh hơn  not + so sánh bằng. |
| 24 | Your mother is more kind-hearted than anyone. | Chuyển câu: not + so sánh bằng  so sánh hơn.  "Kind-hearted" là tính từ dài. |
| 25 | The red car is not so/ as cheap as the black car. | Chuyển câu: so sánh hơn  not + so sánh bằng. |
| 26 | That film is not so/ as interesting as this one. | Chuyển câu: so sánh hơn  not + so sánh bằng. |
| 27 | No other films are more interesting than this one/ film. | Chuyển câu: So sánh nhất  no + so sánh hơn.  "Interesting" là tính từ dài. |
| 28 | lapanese cars are the most expensive in the world. | Chuyển câu: No + so sánh hơn  so sánh nhất.  "Expensive" là tính từ dài. |
| 29 | The Pacific Ocean is larger than other oceans in the world. | Chuyển câu: not + so sánh bằng  so sánh hơn.  “Large" là tính từ ngắn. |
| 30 | This hotel is the most comfortable in the city. | Chuyển câu: No + so sánh hơn  so sánh nhất.  "Comfortable" là tính từ dài. |

Exercise 5

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đáp án** | **Giải thích chi tiết đáp án** |
| 1 | A (the more) | Khi so sánh giữa hai người với nhau, ta dùng so sánh hơn. Trong câu có  "of the two + danh từ số nhiều", ta dùng "the + so sánh hơn". |
| 2 | B (the worst) | Khi so sánh giữa một người với tất cả những người còn lại, ta dùng so  sánh nhất. |
| 3 | A (the more) | Khi so sánh kép, ta dùng công thức: The + comparative + S + V, the +  comparative + S + V. |
| 4 | C (correctly) | Động từ chính trong câu là "pronounce" đi kèm với một trạng từ. |
| 5 | C (loudly) | "Loudly" là trạng từ dài nên không thêm "er". |
| 6 | C (windier) | Khi so sánh hơn ta dùng trạng từ hoặc tính từ ngắn thêm "er" mà không thêm "er" cho danh từ. "Wind" là danh từ, "windy" là tính từ kết thúc bằng  "y" nên được coi như tính từ ngắn. |
| 7 | B (more often) | Trong so sánh hơn, "often” được coi là trạng từ dài. |
| 8 | C (better) | Trong so sánh hơn, "well" là một trạng từ đặc biệt. |
| 9 | D (is) | Trong so sánh, động từ phía trước chi phối trự động từ phía sau. |
| 10 | A (richer) | Trong so sánh hơn, "rich" là tính từ ngắn nên không dùng với more. |